

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 30 - 9 -2021

“V/v Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Thắng.

Ông Nguyễn Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 109/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, đường D, khóm A, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Phạm Hồng T**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm F, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và tờ tường trình ngày 06/9/2021 nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông với bà Phạm Hồng T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân thị trấn N (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thị xã N) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/4/2008. Trong quá trình chung sống thì giữa ông với bà T không có con chung, cũng không có tạo lập được tài sản chung gì. Ngoài ra, vợ chồng ông cũng không có nợ ai. Trong thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thì giữa hai người thường

xuân xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân với nhau từ đầu năm 2009 đến nay. Sau khi ly thân thì bà T về bên nhà cha mẹ ruột ở khóm F, phường A, thị xã N sinh sống. Trong thời gian ly thân thì giữa ông với bà T không có liên lạc gì với nhau, mỗi người lo cuộc sống riêng của mình. Đến khi liên hệ thì không biết bà T đi đâu, ông đã nhiều lần tìm kiếm và cũng liên lạc với người thân gia đình bà T nhưng cũng không biết hiện bà T ở đâu. Sau đó, ông có yêu cầu Tòa án tuyên bố về việc bà T mất tích. Đến ngày 11/01/2021 Tòa án ra Quyết định số 01/2021/QĐST-DS về việc tuyên bố bà Phạm Hồng T mất tích.

Nay ông yêu cầu xin được ly hôn với bà Phạm Hồng T. Về con chung; tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn bà Phạm Hồng T vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, đồng thời bị đơn có địa chỉ cư trú tại khóm F, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn (có đơn xin xét xử vắng mặt) và bị đơn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn trình bày thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn N (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thị xã N) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/4/2008, lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với tài liệu đã cung cấp là giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 16/4/2008 của Ủy ban nhân dân thị trấn N nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và giữa hai người đã ly thân từ 2009 đến nay. Đồng thời, bị đơn đã bị Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2021/QĐST-DS, ngày 11/01/2021. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bị đơn bà Phạm Hồng T.

2. Về con chung, tài sản chung, về nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001022 ngày 01/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND phường 1, thị xã Ngã Năm;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn